

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN ĐỒ SƠN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 29-4-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Thế Sự

Bà Hoàng Thị Yến

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Th, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1971; nơi Đ1 ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện đề ngày 09-12-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị Th trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị xây dựng hạnh phúc với anh H trên cơ sở tự nguyện và có Đ1 ký kết hôn tại UBND xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy (nay là phường H, quận Đ), thành phố Hải Phòng vào ngày 02-02-2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn tình cảm. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong cách chi tiêu, phát triển kinh tế gia đình,

bất đồng trong cách dạy dỗ con cái nên thường xảy ra cãi vã, xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Vào khoảng thời gian trước năm 2012, để lấy vốn đầu tư làm ăn, anh chị đã phải thế chấp tài sản của vợ chồng và gia đình. Nhưng do làm ăn thua lỗ dẫn đến việc tài sản của vợ chồng và gia đình bị xử lý phát mại để trả nợ. Ngoài ra, vợ chồng còn nợ nần bên ngoài, bị đòi nợ nên vợ chồng đã phải vào miền nam sinh sống, làm ăn. Nhưng cuộc sống nơi đất khách quê người cũng gặp rất nhiều khó khăn, công việc không ổn định, phải thuê nhà trọ ở. Vợ chồng lại thiếu sự thông cảm, quan tâm, chia sẻ khó khăn lẫn nhau trong cuộc sống. Vợ chồng không thể cứ sống mãi trong miền nam, thuê nhà ở nay đây mai đó được nên chị đã chuyển về quê sinh sống. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau. Vừa rồi anh H có đưa cháu Đ vào sống cùng, chị có gọi điện, nhắn tin hỏi thăm tình hình của con nhưng anh H không nghe máy cũng không nhắn lại. Anh H chỉ thỉnh thoảng liên lạc với con gái là cháu H1. Việc vợ chồng mâu thuẫn tình cảm, vì các con chị đã cố gắng chịu đựng nhiều năm, đã hy sinh hết mức cho anh H. Chị không thể tiếp tục chung sống thêm cùng với anh H thêm nữa. Chị không thể chịu đựng tình trạng cuộc sống khó khăn, áp lực này thêm được nữa. Chị luôn cảm thấy lo lắng cho bản thân và các con. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là Nguyễn Vũ Nguyệt H1, sinh ngày 22-11-2004; Nguyễn Vũ Thành Đ, sinh ngày 22-5-2006 và Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 17-9-2013. Ly hôn, chị xin nhận nuôi cháu H1 và cháu Đ1, đề nghị giao cháu Đ cho anh H nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị sẽ tự thỏa thuận với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công việc của chị hiện nay là làm việc buôn bán tự do, thu nhập hàng tháng khoảng hơn 10.000.000 đồng. Chị và 02 con là cháu H1 và cháu Đ1 đang ở cùng nhà với mẹ đẻ của chị. Chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Còn cháu Đ hiện nay đang ở cùng anh H, cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố nên chị đồng ý với nguyện vọng của cháu.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai ghi ngày 31-3-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Thanh H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có Đ1 ký kết hôn tại UBND xã Hợp Đức (nay là phường Hợp Đức), quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Năm 2012, gia đình anh chuyển vào miền nam sinh sống và có thêm một cháu trai. Gia đình sinh hoạt và chung sống thuận hòa, không có gì mâu thuẫn. Từ năm 2018 đến năm 2020, do công việc không ổn định và thu nhập của anh có kém hơn những năm trước nên kinh tế chi tiêu khó khăn hơn. Vì vậy, chị Th sinh ra buồn phiền và chán nản. Đến hè năm 2020, trong thời gian anh đi làm tại tỉnh Hậu Giang, chị Th đã đưa 03 con về quê ở bên nhà ngoại. Anh đã biết và về quê đón cả gia đình vào nhưng chị Th không đồng ý và đòi ly hôn. Anh không đồng ý nhưng chị Th vẫn đi làm thủ tục xin ly hôn. Trong thời gian Tòa án thụ lý, giải quyết hồ sơ vụ án, cán bộ Tòa án có liên lạc cho anh mấy lần và anh đã khẳng định không đồng ý ly hôn vì lý do con cái của anh chị cần có cả bố lẫn mẹ. Nay, anh đã có công việc ổn định nên anh có thể nuôi được tất cả các con anh. Hiện giờ con thứ hai là cháu Đ đang học lớp 9 trường Võ Nguyên Giáp ở phường An Hòa, thành phố Rạch Giá,

tỉnh Kiên Giang. Cháu Đ đang ở cùng anh trong phòng trọ tại số 60 đường Phùng Hưng, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Cháu cũng có nguyện vọng ở cùng bố và mẹ, không muốn gia đình chia cắt. Anh không đồng ý ly hôn vì vợ chồng vẫn còn thương yêu nhau, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Anh chị vẫn còn liên lạc và quan tâm, thăm hỏi nhau và cùng chăm lo cho con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn thì anh chưa rõ, có lẽ do anh chị có hiểu lầm nhau trong cuộc sống. Anh cũng cố làm ăn nên ở lại Kiên Giang làm kiếm tiền gửi về quê lo cho vợ con, làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh, công việc làm ăn chưa thuận lợi nên anh cũng mong vợ con thông cảm, chia sẻ khó khăn với anh trong lúc này.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Vũ Nguyệt H1, sinh ngày 22-11-2004; Nguyễn Vũ Thành Đ, sinh ngày 22-5-2006 và Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 17-9-2013. Nếu chị Th cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Đ. Hiện anh đang làm nghề xây dựng, thu nhập bình quân trên 10.000.000 đồng/tháng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đồng ý giao các cháu H1 và cháu Đ1 cho chị Th nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ nần: Anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Do điều kiện ở xa, đi lại khó khăn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh theo quy định pháp luật.

*Qua xác minh tại tổ dân phố và xác nhận của người thân chị Th cho thấy:* Trong khoảng thời gian vài năm gần đây, chị Th và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không còn hòa thuận, hạnh phúc, hay cãi vã, xô xát. Nguyên nhân là do vợ chồng chênh lệch nhiều về tuổi tác nên quan điểm sống có nhiều sự bất đồng; điều kiện kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nhưng lại thiếu sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng. Hiện nay, chị Th đang nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H1 và cháu Đ1, còn anh H đang nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và gửi thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn và tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 và khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chị Th và anh H Đ1 ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2004 tại UBND phường Hợp Đức. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn tình cảm do bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong chi tiêu, phát triển kinh tế gia đình. Xét thấy Chị Th và anh H hiện không còn tình cảm, đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau đã vi phạm khoản 2 Điều 19

“2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, ...”. Do vậy đó căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của Chị Th.

Chị Th và anh H có 03 con chung, đều có thu nhập ổn định trên 10.000.000 đồng/tháng. Các cháu Hằng và Đ1 đang ở với chị Th và có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Đạt đang ở với anh H và có nguyện vọng được ở với bố. Chị Th đề nghị được nuôi cháu H1 và cháu Đ1, anh H nhận nuôi cháu Đ. Xét thấy về điều kiện nuôi con chung của các bên, nguyện vọng của các con chung, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con cũng như theo mong muốn nguyện vọng của các bên, căn cứ vào những tài liệu có trong hồ sơ vụ án giao cháu Đ cho anh H nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, giao cháu H1 và cháu Đ1 cho Chị Th nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng anh chị tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Th ly hôn anh H; giao cháu H1 và cháu Đ1 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vũ Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Thanh H. Anh H có nơi Đ1 ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Về quan hệ hôn nhân:

[2] Chị Th và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có Đ1 ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy (nay là phường H, quận Đ), thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/2004 ngày 02-02-2004. Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được xác định: Chị Th và anh H kết hôn từ năm 2004. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn tình cảm. Trong khoảng thời gian vài năm gần đây, mâu thuẫn trở lên trầm trọng, anh, chị thường xuyên cãi vã, xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân chính là do anh chị bất đồng về quan điểm sống, do làm ăn thua lỗ về kinh tế. Mặt khác, thời gian vừa qua, do công việc gặp nhiều khó khăn nên ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý của vợ chồng. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, gia đình hai bên cũng đã tác động, khuyên giải nhưng tình trạng hôn nhân của anh chị vẫn không thể cải thiện được. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng. Mặc dù, anh H xin đoàn tụ nhưng bản thân anh không có động thái tích cực để hàn gắn tình cảm, bỏ mặc việc chị Th giải quyết việc ly hôn với anh. Anh H trình bày vợ chồng vẫn yêu thương nhau, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Tuy nhiên, các tài liệu xác minh và quan điểm của Chị Th đã thể hiện chị không còn niềm tin và tình cảm với anh H, Chị Th kiên quyết xin ly hôn anh H. Xét thấy, chị Th và anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, cả hai đã không còn quan tâm đến cuộc sống chung, bỏ mặc mỗi người một nơi, không có những biện pháp tích cực để cải thiện cuộc sống vợ chồng. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th đối với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Th và anh H có 03 con chung là Nguyễn Vũ Nguyệt H1, sinh ngày 22-11-2004; Nguyễn Vũ Thành Đ, sinh ngày 22-5-2006 và Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 17-9-2013. Xét thấy, chị Th và anh H đều có quan điểm về nuôi dưỡng con. Hiện tại cháu H1, cháu Đ1 đang ở cùng Chị Th, còn cháu Đ đang ở cùng anh H. Việc giao cháu H1 và cháu Đ1 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế của chị Th và anh H, đảm bảo quyền lợi của các cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của chị Th và anh H, giao cháu H1 và cháu Đ1 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Th và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Th và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Thanh H.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Nguyễn Vũ Nguyệt H1, sinh ngày 22-11-2004 và cháu Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 17-9-2013 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (*Mười tám*) tuổi; giao cháu Nguyễn Vũ Thành Đ, sinh ngày 22-5-2006 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Chị Th và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết hoặc cho đến khi chị Th và anh H có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số 0007170 ngày 22-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường H, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Trường**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Xuân Nhuận    Lê Thị Mai Hương**

**Vũ Trọng Đ**